PHỤ LỤC 01

DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO NĂM 2026 TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số .590./BC-UBND ngày ...18./11/2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	Tên loại văn bản, số ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1	Kế hoạch số 194/KH-UBND	20/08/2026	Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn phường Đức Phổ	
2	Quyết định số 1730/QĐ-UBND	10/08/2026	Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2026	
3	Thông báo số 01/TB-BCĐ	24/08/2026	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Đức Phổ	
4	Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	14/08/2026	Kiện toàn tổ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030	
5	Công văn số 1423/UBND-KTHTĐT	05/08/2026	V/v tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026	
6	Công văn số 1863/UBND-KTHTĐT	28/09/2026	V/v triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	
7	Công văn số 517/PKTHTĐT	15/10/2026	V/v đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026	
8	Công văn số 2103/UBND-KTHTĐT	30/10/2026	V/v đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026	

PHỤ LỤC 02a
Tổng hợp kết quả phân loại hộ trước và sau khi rà soát
(Theo chuẩn nghèo 2022-2025)
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2026 của phường Đức Phổ

TT	THÔN/TỔ DÂN PHỐ	PHÂN LOẠI TRƯỚC KHI RÀ SOÁT			PHÂN LOẠI SAU KHI RÀ SOÁT			
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thoát nghèo	Hộ không nghèo
	TDP							
1	TDP Vĩnh Bình	7	7	0	4	6	3	0
2	TDP An Trường	11	26	0	7	20	4	0
3	TDP An Ninh	8	8	0	5	8	3	0
4	TDP Phổ Ninh	5	12	0	3	11	2	0
5	TDP Phổ Vinh	12	10	0	7	5	5	0
6	TDP Thuận An	10	11	0	6	4	4	0
7	TDP Khánh Vĩnh	19	16	0	11	5	8	0
8	TDP An Lạc	14	10	0	7	6	7	0
9	TDP An Thọ	7	7	0	4	3	3	0
10	TDP Vĩnh Lạc	10	9	0	6	8	4	0
11	TDP Phú Trường	13	8	0	8	5	5	0
12	TDP Phổ Hoà	10	9	0	6	8	4	0
13	TDP Hiển Lâm	8	5	0	6	2	2	0
14	TDP Phổ Minh	15	12	0	9	5	6	0
15	TDP Tân An	8	7	0	5	5	3	0
	Tổng cộng	**157**	**157**	**0**	**94**	**101**	**63**	**0**

PHỤ LỤC 02b
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO (SƠ BỘ)
(Theo chuẩn nghèo 2022-2025)
(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày / 11/2026 của phường Đức Phổ)

TT	Thôn/tổ dân phố	**Tổng số hộ dân cư** *(tại thời điểm rà soát)*		**Kết quả rà soát** (sơ bộ/chính thức)					
				Tổng số hộ nghèo		**Tổng số hộ cận nghèo**		**Tổng hộ thoát nghèo**	
		Số hộ	**Nhân**	**Số hộ**	**Tỷ lệ**	**Số hộ**	**Tỷ lệ**	**Số hộ**	**Tỷ lệ**
A	B	1	2	3	4=(3/1) x 100	5	6=(5/1) x 100	7	8=(7/1) x 100
1	TDP Vĩnh Bình	547	1.986	4	0,73	6	1,10	3	0,55
2	TDP An Trường	938	3.417	7	0,75	20	2,13	4	0,43
3	TDP An Ninh	623	2.096	5	0,80	8	1,28	3	0,48
4	TDP Phổ Ninh	816	2.996	3	0,37	11	1,35	2	0,25
5	TDP Phổ Vinh	643	2.727	7	1,09	5	0,78	5	0,78
6	TDP Thuận An	637	2.675	6	0,94	4	0,63	4	0,63
7	TDP Khánh Vĩnh	929	3.935	11	1,18	5	0,54	8	0,86
8	TDP An Lạc	863	3.367	7	0,81	6	0,70	7	0,81
9	TDP An Thọ	547	2.128	4	0,73	3	0,55	3	0,55
10	TDP Vĩnh Lạc	496	1.945	6	1,21	8	1,61	4	0,81
11	TDP Phú Trường	869	3.379	8	0,92	5	0,58	5	0,58
12	TDP Phổ Hoà	750	2.758	6	0,80	8	1,07	4	0,53
13	TDP Hiển Lâm	464	1.795	6	1,29	2	0,43	2	0,43
14	TDP Phổ Minh	729	2.655	9	1,23	5	0,69	6	0,82
15	TDP Tân An	736	2.708	5	0,68	5	0,68	3	0,41
	Tổng cộng	**10.587**	**40.567**	**94**	**0,89**	**101**	**0,95**	**63**	**0,60**

PHỤ LỤC 03a

Tổng hợp kết quả phân loại hộ trước và sau khi rà soát

(Theo chuẩn nghèo 2027-2030)

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND phường Đức Phổ)

TT	THÔN/TỔ DÂN PHỐ	PHÂN LOẠI TRƯỚC KHI RÀ SOÁT			PHÂN LOẠI SAU KHI KHI RÀ SOÁT			
		Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ không nghèo	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thoát nghèo	Hộ không nghèo
1	TDP Vĩnh Bình	7	7	0	7	6	1	0
2	TDP An Trường	11	26	0	7	21	2	0
3	TDP An Ninh	8	8	0	7	8	1	0
4	TDP Phổ Ninh	5	12	0	5	13	0	0
5	TDP Phổ Vinh	12	10	0	7	7	7	0
6	TDP Thuận An	10	11	0	6	9	6	0
7	TDP Khánh Vĩnh	19	16	0	11	13	11	0
8	TDP An Lạc	14	10	0	7	11	7	0
9	TDP An Thọ	7	7	0	6	10	1	0
10	TDP Vĩnh Lạc	10	9	0	6	8	4	0
11	TDP Phú Trường	13	8	0	9	11	1	0
12	TDP Phổ Hoà	10	9	0	6	12	1	0
13	TDP Hiển Lâm	8	5	0	7	5	2	0
14	TDP Phổ Minh	15	12	0	16	10	2	0
15	TDP Tân An	8	7	0	6	6	3	0
	Tổng cộng	**157**	**157**	**0**	**113**	**150**	**49**	**0**

PHỤ LỤC 03b

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO VÀ HỘ THOÁT NGHÈO (SƠ BỘ)

(Theo chuẩn nghèo 2027-2030)

TT	Khu vực/Địa bàn	Tổng số hộ dân cư *(tại thời điểm rà soát)*		Kết quả rà soát					
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo		Tổng số hộ thoát nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4=(3/1) x 100	5	6=(5/1) x 100	7	8=(7/1) x 100
	Đơn vị tính	*Hộ*	*Người*	*Hộ*	*%*	*Hộ*	*%*	*Hộ*	*%*
II	**Khu vực thành thị**								
1	TDP Vĩnh Bình	547	1.986	7	1,28	6	1,10	1	0,18
2	TDP An Trường	938	3.417	7	0,75	21	2,24	2	0,21
3	TDP An Ninh	623	2.096	7	1,12	8	1,28	1	0,16
4	TDP Phổ Ninh	816	2.996	5	0,61	13	1,59	0	0,00
5	TDP Phổ Vinh	643	2.727	7	1,09	7	1,09	7	1,09
6	TDP Thuận An	637	2.675	6	0,94	9	1,41	6	0,94
7	TDP Khánh Vĩnh	929	3.935	11	1,18	13	1,40	11	1,18
8	TDP An Lạc	863	3.367	7	0,81	11	1,27	7	0,81
9	TDP An Thọ	547	2.128	6	1,10	10	1,83	1	0,18
10	TDP Vĩnh Lạc	496	1.945	6	1,21	8	1,61	4	0,81
11	TDP Phú Trường	869	3.379	9	1,04	11	1,27	1	0,12
12	TDP Phổ Hoà	750	2.758	6	0,80	12	1,60	1	0,13
13	TDP Hiển Lâm	464	1.795	7	1,51	5	1,08	2	0,43
14	TDP Phổ Minh	729	2.655	16	2,19	10	1,37	2	0,27
15	TDP Tân An	736	2.708	6	0,82	6	0,82	3	0,41
	Tổng cộng	**10.587**	**40.567**	**113**	**1,07**	**150**	**1,42**	**49**	**0,46**